

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày: 19/7/2019
“V/v tranh chấp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Thoại Lượng**
2. Ông **Lâm Quốc Em**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Lưu Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: **Bà Kim Thị Cẩm Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST- SD ngày 11 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST- ST ngày 02 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Ngọc D** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. **Người làm chứng:** Bà **Trần Thị T** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018; biên bản lấy lời khai ngày 28/03/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **Đỗ Thị Ngọc D** trình bày:

Vào ngày 10/06/2017, bà **D** có cho bà **T** vay tiền: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), có biên nhận, thời hạn vay là 02 tháng trả (nói miệng không giấy tờ), nhưng đến hạn bà **T** không trả, bà **D** đòi nhiều lần mà bà **T** vẫn không thanh toán.

Nay bà **D** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **T** trả số tiền 75.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà T đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà Đỗ Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), không tính lãi.

Bà D cho rằng 10/06/2017, bà D có cho bà T vay số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), có biên nhận, thời hạn 02 tháng trả (nói miệng không giấy tờ), nhưng đến hạn bà T không trả, bà D đòi nhiều lần mà bà T vẫn không thanh toán.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý số: 04/TB- TLVA ngày 11/01/2019; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 105/TB - TA ngày 04/4/2019; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 143 TB - TA ngày 02/5/2019. Với nội dung bà Đỗ Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), không tính lãi, nhưng bà T vắng mặt nơi cư trú, từ đó Tòa án giải quyết vụ án trên theo thủ tục quy định của pháp luật và bà T cũng không có phản đối, ý kiến gì về số đối với tiền bà D kiện đòi bà T trả 75.000.000đ, nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền 75.000.000đ là có căn cứ.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lâm Thị Tuyên là có căn cứ chấp nhận. Do đó áp dụng khoản 1, Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Ngọc D số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), đối với số tiền: 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc D buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc D số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1, Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc D kiện bà Nguyễn Thị T về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Ngọc D số tiền: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Đỗ Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số: 0003842 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đỗ Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T còn phải trả lãi cho bà Đỗ Thị Ngọc D theo mức lãi suất 10%/ năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh